ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
Số: 406/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển thuộc ngành Kinh tế phát triển (mã số 7310105).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

PGS. TS. Đinh Hồng Linh

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 406/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	KINH TẾ PHÁT TRIỂN
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	DEVELOPMENT ECONOMICS
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Ngành đào tạo	Kinh tế phát triển
5	Mã ngành	7310105
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Kinh tế
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11	Website	https://tueba.edu.vn http://kinhte.tueba.edu.vn
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế phát triển Tiếng Anh: Bachelor of Development Economics
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: - Cán bộ phụ trách bộ phận quan hệ khách hàng; giao dịch viên; chuyên viên phân tích và tư vấn tài chính; chuyên viên dự án ...trong các ngân hàng và tổ chức tài chính. - Nhân viên, chuyên viên: kế hoạch; hành chính - nhân sự; kinh doanh; nhân viên; chuyên viên dự án... trong các doanh

TT	Tiêu đề	Nội dung
		nghiệp. -Cán bộ điều phối, tư vấn trong các tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận trong và ngoài nước. -Cán bộ quản lý, cán bộ dự án; chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách trong cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương -Nghiên cứu viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp khối ngành kinh tế. -Tự thành lập kế hoạch khởi nghiệp, phát triển công ty riêng trong lĩnh vực kinh tế phát triển và các lĩnh vực khác có liên quan.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Trường ĐH Quốc gia Hà Nội (Việt Nam), Trường ĐH SOAS (Nước Anh)
18	Thông tin kiểm định CTĐT	
19	Thời điểm cập nhật Bản CTĐT	Tháng 03/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển có phẩm chất chính trị vững vàng; có ý thức tự chủ và trách nhiệm; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế phát triển; có triển vọng trở thành những nhà lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp, chuyên gia phân tích và hoạch định chính sách phát triển với tư duy chiến lược, tác phong làm việc chuyên nghiệp, đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Trường ĐH Kinh tế và Quản trị Kinh doanh đào tạo người học tốt nghiệp chương trình đào tạo Cử nhân Kinh tế phát triển có:

PO1. Các kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý phát triển kinh tế - xã hội; năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách và các hoạt động phát triển trong các ngành kinh tế, tại địa phương các cấp.

PO2. Các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội; các kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, tạo việc làm; kỹ năng quản lý và lãnh đạo.

PO3. Khả năng làm việc độc lập, dẫn dắt nhóm làm việc trong điều kiện môi trường thay đổi; có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân; thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	**Giải thích được các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội cho công việc chuyên môn**	**2**
PI1.1	Giải thích được các quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội, nhà nước và pháp luật hướng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn	2
PI1.2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội trong khi thực hiện công việc	2
PLO2	**Vận dụng được các kiến thức và nguyên lý nền tảng của kinh tế, quản trị, quản lý một cách linh hoạt vào giải quyết các vấn đề của ngành**	**3**
PI2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý vào giải thích, xử lý các vấn đề cơ bản của lĩnh vực ngành	3
PI2.2	Thực hiện được nghiệp vụ cơ bản về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PI2.3	Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản về tính toán định lượng, thống kê kinh tế và kinh tế vùng vào phân tích và giải quyết các vấn đề về kinh tế phát triển	3
PLO3	**Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào giải quyết các công việc của lĩnh vực Kinh tế phát triển**	**3**
PI3.1	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản (word, excel, powerpoint) vào xử lý công việc chuyên môn, đạt chuẩn tin học theo quy định của Nhà trường	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI3.2	Sử dụng được một số phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc thuộc lĩnh vực Kinh tế phát triển	3
PLO4	**Phân tích các hoạt động cũng như quá trình phát triển của nền kinh tế nhằm xác định và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong phạm vi quốc gia, vùng hoặc địa phương**	**2**
PI4.1	Phân tích các nguồn lực và yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế trong phạm vi quốc gia, vùng, địa phương.	2
PI4.2	Phân tích các chính sách, chương trình, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội nhằm tìm ra các định hướng và giải pháp phát triển bền vững ở cấp quốc gia, vùng và địa phương	2
PLO5	**Xây dựng, quản lý được các chương trình - dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.**	**3**
PI5.1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để lập kế hoạch phát triển cho cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp từ trung ương đến địa phương và các doanh nghiệp/tổ chức.	3
PI5.2	Quản lý các chương trình - dự án phát triển trong các ngành kinh tế, các địa phương và các doanh nghiệp/tổ chức.	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO6	**Thành thạo các kỹ năng cơ bản để phục vụ công việc**	**3**
PI6.1	Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục tốt	3
PI6.2	Sử dụng ngoại ngữ để thể hiện quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn	3
PLO7	**Xác định được các tình huống phức tạp phát sinh, các vấn đề ưu tiên để ra quyết định trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi, đặc biệt là sự ảnh hưởng từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nền kinh tế số**	**3**
PI7.1	Phân tích được các vấn đề phát sinh, cần được ưu tiên giải quyết trong công việc, đặc biệt khi có sự thay đổi về môi trường làm việc	3
PI7.2	Phân tích được ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nền kinh tế số đến lĩnh vực kinh tế phát triển, thích ứng và giải quyết được các vấn đề phát sinh trong bối cảnh mới	3
PLO8	**Xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, sắp xếp công việc hiệu quả trong quá trình làm việc**	**3**
PI8.1	Xác định được mục tiêu vấn đề cần phải hoàn thành trong công việc	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI8.2	Lập kế hoạch thực hiện, sắp xếp công việc khoa học và linh hoạt để đạt được mục tiêu một cách hiệu quả	2
PLO9	**Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp cho bản thân**	**3**
	Chuẩn đầu ra về Mức tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	**Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, quy định của cơ quan đơn vị; sẵn sàng tham gia học tập suốt đời**	**3**
PI10.1	Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế phát triển	3
PI10.2	Hình thành ý thức tự giác học tập, nghiên cứu và rèn luyện sức khoẻ	3
PLO11	**Quản lý các nguồn lực tăng trưởng và phát triển kinh tế; Phân tích và cải thiện được hiệu quả các hoạt động kinh tế - xã hội.**	**4**
PI11.1	Phân tích tác động của các nguồn lực đến hiệu quả hoạt động phát triển kinh tế - xã hội	4
PI11.2	Quản lý các nguồn lực, từ đó cải thiện hiệu quả các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội	3
PLO12	**Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và chịu được áp lực trong công việc**	**3**
PI12.1	Bảo vệ được quan điểm cá nhân; trung thực, khách quan trong việc đưa ra kết luận chuyên môn	3
PI12.2	Làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao, chịu được áp lực trong công việc	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**		**34**		
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	3	PLO1 (PI1.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	2	PLO1 (PI1.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	2	PLO1 (PI1.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	2	PLO1 (PI1.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP121	2	PLO1 (PI1.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
6	Pháp luật đại cương	LAW121	2	PLO1 (PI1.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
7	Tin học ứng dụng	AIN131	3	PLO2 (PI2.2), PLO3 (PI3.1), PLO12 (PI12.2)	
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	3	PLO1 (PI1.2), PLO2 (PI2.2), PLO12 (PI12.2)	
9	Toán kinh tế	MAE131	3	PLO1 (PI1.2), PLO2 (PI2.2), PLO12 (PI12.2)	
10	Tiếng Anh 1	ENG121	2	PLO6 (PI6.1, PI6.2), PLO12 (PI12.2)	
11	Tiếng Anh 2	ENG122	2	PLO6 (PI6.1, PI6.2), PLO12 (PI12.2)	
12	Tiếng Anh 3	ENG133	3	PLO6 (PI6.1, PI6.2), PLO12 (PI12.2)	
13	Tiếng Anh 4	ENG134	3	PLO6 (PI6.1, PI6.2), PLO12 (PI12.2)	
14	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI 121	2	PLO6 (PI6.1), PLO8 (PI8.1, PI8.2), PLO9, PLO12 (PI12.1)	
15	Giáo dục thể chất I	PHE011	30 tiết	PLO10 (PI10.2)	
16	Giáo dục thể chất II	PHE012	30 tiết	PLO10 (PI10.2)	
17	Giáo dục thể chất III	PHE013	30 tiết	PLO10 (PI10.2)	
18	Giáo dục quốc phòng		5 tuần	PLO10 (PI10.2)	
2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**93**		
2.1	***Kiến thức cơ sở ngành***		***30***		
	Bắt buộc		21		
19	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
20	Quản trị học	MAN231	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
21	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
22	Marketing căn bản	PMA231	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
23	Tài chính tiền tệ	FAM231	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
24	Nguyên lý thống kê	PSE231	3	PLO2 (PI2.3), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
25	Nguyên lý kế toán	ACT231	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
	Tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong số 6 HP tự chọn)		9		
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SRM231	3	PLO2 (PI2.2), PLO7 (PI7.1), PLO12 (PI12.2)	
27	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý	WBM231	3	PLO3 (PI3.1), PLO10 (PI10.1)	
28	Phân tích thông tin kinh tế	EIA331	3	PLO2 (PI2.2, PI2.3), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
29	Kinh tế lượng	ECO231	3	PLO2 (PI2.3), PLO3 (PI3.2), PLO12 (PI12.2)	
30	Luật kinh tế căn bản	ELA231	3	PLO1 (PI1.1), PLO6 (PI6.1), PLO10 (PI10.1)	
31	Thống kê kinh tế	ECS231	3	PLO2 (PI2.3), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
2.2	***Kiến thức ngành***		***27***		
	Bắt buộc		15		
32	Kinh tế công cộng	PEC331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
33	Kinh tế phát triển	DEC331	3	PLO4 (PI4.1), PLO6 (PI6.1), PLO7 (PI7.1, PI7.2), PLO11 (PI11.1, PI11.2), PLO12 (PI12.2)	x
34	Phân tích chính sách phát triển	DPA331	3	PLO4 (PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
35	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	SEF331	3	PLO3 (PI3.2), PLO4 (PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO12(PI12.2)	x
36	Kế hoạch hóa phát triển	SDP331	3	PLO5 (PI5.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	x
	Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 8 học phần tự chọn)		12		
37	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	ERP331	3	PLO2 (PI2.3), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
38	Kinh tế môi trường	ENE331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
39	Nguyên lý kinh tế đầu tư	PIE331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
40	Kinh tế thương mại và dịch vụ	ETS331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
41	Phát triển kỹ năng cá nhân	PSD331	3	PLO6 (PI6.1), PLO8 (PI8.1, PI8.2), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
42	Kinh tế đô thị	URE231	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
43	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2), PLO12 (PI12.2)	
44	Kinh tế học quản lý	MAE331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
2.3	***Kiến thức chuyên ngành***		***24***		
	Bắt buộc		*12*		

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
45	Kinh tế phát triển ngành	SDE331	3	PLO4 (PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO7 (PI7.1, PI7.2), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	x
46	Kinh tế và tài chính công	EPF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
47	Quản lý phát triển	DMA331	3	PLO5 (PI5.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	x
48	Chương trình và dự án phát triển	PPD331	3	PLO5 (PI5.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2)	
	Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 8 học phần tự chọn)		*12*		
49	Dân số và phát triển kinh tế	PED331	3	PLO4 (PI4.1), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.1)	
50	Kinh tế Việt Nam	VNE331	3	PLO4 (PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2)	
51	Kinh tế lao động	LAE331	3	PLO4 (PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2)	
52	Đô thị hoá và phát triển	UDE331	3	PLO4 (PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
53	Thương mại điện tử	ECM331	3	PLO3 (PI3.2), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
54	Đầu tư quốc tế	INI331	3	PLO4 (PI4.1), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2)	
55	Lập và phân tích dự án đầu tư	PAP331	3	PLO5 (PI5.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2)	
56	Quản lý rủi ro trong đầu tư	IRM331	3	PLO5 (PI5.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2)	
2.4	***Thực tập môn học CTĐT Kinh tế phát triển***	DEC421	2	PLO4 (PI4.1, PI4.2), PLO5 (PI5.1, PI5.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.1, PI11.2), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
2.5	***Thực tập tốt nghiệp CTĐT Kinh tế phát triển***	DEC441	4	PLO4 (PI4.1, PI4.2), PLO5 (PI5.1, PI5.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.1), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
2.6	***KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Kinh tế phát triển***	DEC904	6	PLO4 (PI4.1, PI4.2), PLO5 (PI5.1, PI5.2), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.1, PI11.2), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
	Tự chọn thay thế khóa luận (sinh viên chọn 2 trong số 4 học phần)				
57	Đầu tư công	PUI331	3	PLO4 (PI4.1), PLO6 (PI6.1), PLO11 (PI11.2)	
58	Kinh tế tuần hoàn	CIE331	3	PLO4 (PI4.2), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
59	Khoa học lãnh đạo	LSS331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
60	Quản lý tổ chức công	MOR331	3	PLO2 (PI2.1), PLO6 (PI6.1), PLO12 (PI12.2)	
	Tổng số tín chỉ		**127**		

V. Kế hoạch đào tạo

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
I	**Học kì I**			**15**			
1	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tin học ứng dụng	AIN131	Bắt buộc	3	36	18	
3	Tiếng Anh 1	ENG12	Bắt buộc	2	24	12	
4	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Pháp luật đại cương	LAW121	Bắt buộc	2	24	12	
6	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI 121	Bắt buộc	2	24	12	
7	Giáo dục thể chất I	PHE011	Bắt buộc	x			
II	**Học kì II**			**17**			
1	Triết học Mác - Lênin	MLP132	Bắt buộc	3	24	12	
2	Tiếng Anh 2	ENG122	Bắt buộc	2	24	12	
3	Toán kinh tế	MAE131	Bắt buộc	3	36	18	
4	Quản trị học	MAN231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý kế toán	ACT231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	Bắt buộc	3	36	18	
7	Giáo dục thể chất II	PHE012	Bắt buộc	x			
III	**Học kì III**			**17**			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 3	ENG123	Bắt buộc	3	36	18	
3	Marketing căn bản	GEM231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tài chính tiền tệ	FAM231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý thống kê	PRS231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Giáo dục thể chất III	PHE013	Bắt buộc	x			
7	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc	x			
8	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3			
IV	**Học kì IV**			**17**			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	Bắt buộc	2	36	18	
2	Kinh tế công cộng	PEC331	Bắt buộc	3	36	18	
3	Kinh tế phát triển	DEC331	Bắt buộc	3	36	18	x
4	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	SEF331	Bắt buộc	3	36	18	x
5	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
6	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
V	**Học kì V**			**17**			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Phân tích chính sách phát triển	DPA331	Bắt buộc	3	36	18	
3	Kế hoạch hóa phát triển	SDP331	Bắt buộc	3	36	18	x
4	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
VI	**Học kì VI**			**16**			
1	Tiếng Anh 4	ENG124	Bắt buộc	3	36	18	
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	Bắt buộc	2	24	12	
3	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	Kinh tế phát triển ngành	SDE331	Bắt buộc	3	36	18	x
5	Kinh tế và tài chính công	EPF331	Bắt buộc	3	36	18	
6	Thực tập môn học CTĐT Kinh tế phát triển	DEC421	Bắt buộc	2	24	12	x
VII	**Học kì VII**			**18**			
1	Quản lý phát triển	DMA331	Bắt buộc	3	36	18	x
2	Chương trình và dự án phát triển	PPD331	Bắt buộc	3	36	18	
3	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
VIII	**Học kì VIII**			**10**			
1	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Kinh tế phát triển	DEC441		4			x
2	KLTN/ Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Kinh tế phát triển	DEC904		6			
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	Tổng số tín chỉ			**127**			